

CÁI TRỐNG THIẾC

Günter Grass

Making Ebook Project

BOOKAHOLIC CLUB





- Tên sách: **CÁI TRÔNG THIẾC**
- Tác giả: **Günter Grass**
- Dịch giả: Dương Tường
- Nguyên tác: *Die Blechtrommel*
- Nhà xuất bản: Hội Nhà Văn
- Năm xuất bản: 2002
- Số trang: 968
- Giá tiền: 98.000 Đồng
- Khổ: 14.5 x 20.5 cm

- ✚ Đánh máy: Thùy An, Van Nguyen, Minh Huy, Bảo Minh, Hồng Sơn, Minh Khuyên, Nhân, Nguyễn Thị Yến, Mai Trâm, Thanh Nguyên, Hoàng Thành, anlac, Thảo Đoàn, Hồng Hạnh, Minh Phương, Tuyết Anh
- ✚ Kiểm tra: Thu Hằng, Nguyễn Minh
- ✚ Chê bản ebook: Thảo Đoàn
- ✚ Ngày thực hiện: 19/04/2011
- ✚ Making Ebook Project #113 – www.BookaholicClub.com



MỤC LỤC

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ

Cái trồng thiếc trong nền văn học hiện đại Đức

Quyển I

CÁI VÁY ỤP

DUỚI GÀM BÈ

BƯỚM VÀ ĐÈN

CUỐN ALBUM ẢNH

TAN TÀNH Ô CỬA KÍNH

THỜI GIAN BIỂU

RASPUTIN VÀ VẦN CHỮ CÁI

CA KHÚC - TRÁI PHÁ TÂM XA

KHÁN ĐÀI

NHỮNG MẶT CỬA HÀNG

CÓ GÌ LÀ LẠ

THỰC ĐƠN NGÀY THỨ SÁU THÁNH

THUÔN THUÔN ĐẰNG CHÂN

CÁI LŨNG CỦA HERBERT TRUCZINSKI

NIOBE

LÒNG TIN, HY VỌNG, TÌNH YÊU

Quyển II

ĐỒ ĐỒNG NÁT



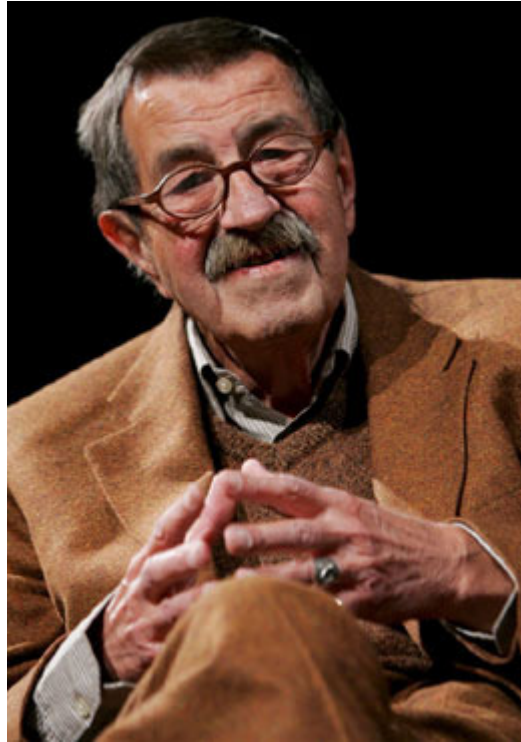
SỞ BƯU CHÍNH BA LAN
NGÔI NHÀ BẰNG QUÂN BÀI
ÔNG ẤY NẰM Ở SASPE
MARIA
BỘT SỦI
NHỮNG THÔNG CÁO ĐẶC BIỆT
ĐEM NỖI ĐƠN CÔI ĐẶT DƯỚI CHÂN BÀ GREFF
BẢY MƯƠI LĂM KÍ
ĐOÀN VĂN CÔNG TIỀN TUYẾN BEBRA
THỊ SÁT BÊ-TÔNG HAY MAN RỘ, HUYỀN BÍ, CHÁN NGẮT
KÊ TỤC CHÚA KIRIXITO
BĂNG QUÉT BỤI
TRÒ CHƠI NÔ-EN
ĐƯỜNG CỦA KIẾN
NÊN HAY KHÔNG NÊN?
THUỐC TÂY UẾ
TẶNG TRƯỞNG TRONG TOA HÀNG
Quyển III
ĐÁ LỬA VÀ BIA MỘ
FORTUNA BẮC
MADONNA 49
CON NHÍM
TRONG TỬ ÁO



TRÊN TÁM THẢM XƠ DỪA
HẦM HÀNH
TRÊN PHÒNG TUYẾN ĐẠI TÂY DƯƠNG
NGÓN TAY ĐEO NHẪN
CHUYẾN XE ĐIỆN CUỐI CÙNG HAY THỜ CÚNG MỘT CÁI BÌNH
BA MƯƠI



GIỚI THIỆU TÁC GIẢ



Günter Wilhelm Grass - nhà văn người Đức đoạt Giải Nobel Văn học năm 1999.

Ông sinh ngày 16 tháng 10 năm 1927 ở Danzig-Langfuhr, nay là Gdansk (Danzig) thuộc Ba Lan. Sinh ra trong một gia đình có cha mẹ làm nghề buôn bán nhỏ, thành phố quê hương ông cũng như những ngày thơ ấu sống ở đây đã là cảm hứng cho nhiều tác phẩm của ông. Ở tuổi vị thành niên, ông đã từng phục vụ cho quân đội Hitler. Trước khi chuyển sang viết văn, ông đã học hội họa và điêu khắc ở Viện Nghệ thuật Düsseldorf (Kunstakademie Düsseldorf) từ năm 1948 cho đến 1952 và tiếp tục học tại Đại học Mỹ thuật Berlin (Universität der Künste Berlin) từ năm 1953 đến năm 1956, là học trò của nhà điêu khắc Karl Hartung.

Ông được trao tặng nhiều giải thưởng văn chương: Giải “Nhóm 47”(1950), Giải Phê bình Đức (1960), Giải “sách nước ngoài” của Pháp (1962), Giải Fontene (1968), Giải Mondeblo của Palezmo (1977), Huân chương Maiakovski (1977) v.v... Năm 1999, Günter Grass được trao giải Nobel vì những tác phẩm mang tính ngụ ngôn vừa đùa giễu vừa u ám gọi về một hình tượng lịch sử bị quên lãng, lên tiếng phản đối mọi hình thức của hệ tư tưởng cực quyền. Với tiểu thuyết *Cái trông thiếc*, Günter Grass lại một lần nữa mang đến



cho nền văn học hậu chiến Đức sự thừa nhận của quốc tế. Ông được coi là một trong những nhà văn sáng giá nhất được nhận giải Nobel của giao thời hai thế kỷ.

Một số tác phẩm:

- Die Blechtrommel (*Cái trống thiếc* - 1959)
- Katz und Maus (*Mèo và chuột* - 1961)
- Hundejahre (*Những năm chó* - 1963)
- Örtlich betäubt (1969)
- Aus dem Tagebuch einer Schnecke (1972)
- Der Butt (1979)
- Das Treffen in Telgte (1979)
- Kopfgeburten oder Die Deutschen sterben aus (1980)
- Die Rättin (1986)
- Unkenrufe (1992)
- Ein weites Feld (1995)
- Mein Jahrhundert (1999)
- Im Krebsgang (*Bò ngang* - 2002)
- Beim Häuten der Zwiebel (2006)



Günter Grass

Glockengießerstraße 21

23552 Lübeck

Telefon: 0451-794800

Lübeck, den 10.05.2002

Liebe Duong Tuong,

Es hat mich sehr gefreut, als ich erfuhr, daß man nicht nur den Plan hat, meinen ersten weit über deutsche Grenzen hinaus bekannten Roman, die "Blechtrommel", auch in Vietnam in übersetzter Fassung aufzulegen, sondern daß dieses Projekt nun schon fast abgeschlossen ist.

Ich bin neugierig, wie mein Buch Ihren Mitbürgern gefallen wird - in europäischer Nachbarschaft, nicht nur im deutschsprachigen Raum, findet es _ inzwischen in dritter Generation junge Leser und es ist auch für mich als Autor faszinierend, wie ähnlich und wie verschieden diese Lektüre verstanden wird. Vielleicht mögen Sie mir bei Gelegenheit schreiben, welches Echo unsere gemeinsame Arbeit in Vietnam findet? Sie kennen sicher "Katz und Maus", die "Hundejahre" und nun auch "Im Krebsgang", die der "Blechtrommel" inhaltlich verwandt sind - wer weiß, wann ich Ihnen zum Erscheinen einer neuen Übersetzung alles Gute wünschen darf?

Freundliche Grüße

Günter Grass

Ihr



Günter Grass

Glockengleiberstraße 21

23552 Lübeck

Telefon: 0451-794800

Lübeck, 10.05.2002

Dương Tường thân mến,

Tôi rất mừng khi nghe tin “Cái trống thiếc”, cuốn tiểu thuyết đầu tiên của tôi mà nhiều nơi ngoài nước Đức đã biết đến, nằm trong kế hoạch dịch và xuất bản tại Việt Nam, và không những thế dự định ấy hiện đã sắp hoàn thành.

Tôi tò mò muốn biết sách của mình được đồng bào nước ông đón nhận ra sao - tới nay, sau ba thế hệ, nó vẫn đến được với những độc giả trẻ tại các nước láng giềng châu Âu, không chỉ giới hạn trong khu vực Đức ngữ, và cách đọc mọi nơi giống nhau hay khác nhau ra sao cũng làm tác giả, là tôi, hết sức thích thú. Khi nào có dịp mong ông viết thư cho tôi biết, công sức của cả hai chúng ta có hồi âm gì không. Chắc ông đã đọc “Mèo và chuột”, “Những năm chớ” và mới đây là “Đi như cua”, nội dung đều gần với “Cái trống thiếc” - bao giờ có thêm một bản dịch nữa cho tôi được chúc ông vạn sự may mắn nhỉ?

Thân chào,

Günter Grass



Cái trông thiếc trong nền văn học hiện đại Đức

“Ngày nay, chúng ta thường hay nghe nói rằng tầm quan trọng của văn học đã giảm sút, rằng nó chỉ còn là trò mua vui hoặc một thú tiêu khiển của một tầng lớp elite (tinh hoa) hạn hẹp. Nhưng, tựa như một triết gia thời cổ Hy Lạp, khi muốn bác bỏ lý thuyết của trường phái Elea¹ cho rằng chuyển động là bất khả, chỉ cần đi đi lại lại trước nơi hội họp của các triết gia trường phái Elea, riêng sự hiện diện của Günter Grass cũng đủ khiến chúng ta hiểu ra rằng không dễ gì đẩy văn học ra ngoài rìa,” Tiến sĩ Horace Engdahl, Viện sĩ Viện Hàn Lâm Thụy Điển, Thư ký Ủy ban Nobel, mở đầu diễn văn khai mạc lễ trao giải Nobel văn học 1999 như vậy.

Việc tặng giải Nobel văn học cho Günter Grass tuy hơi muộn - chỉ ít là theo tôi - nhưng lại mang một ý nghĩa đặc biệt bởi nó rơi vào năm bắc cầu giữa thế kỷ 20 và 21, đúng bốn thập kỷ sau khi *Cái trông thiếc* ra đời, làm chao đảo văn đàn châu Âu và thế giới.

Đến nay, 43 năm đã trôi qua kể từ khi tiếng trống ngỗ ngược của Oskar Matzerath đánh thức nền văn học Đức khỏi cơn mù mịt hậu chiến. Nhiều nhà phê bình đã có lý khi đánh giá sự xuất hiện của *Cái trông thiếc* như một lần khai sinh thứ hai cho nền tiểu thuyết Đức của thế kỷ 20. Thật vậy, kể từ *Gia đình Buddenbrook* (1901) của Thomas Mann, chưa có cuốn tiểu thuyết đầu tay của tác giả nào gây chấn động đến thế. Và chấn động này - bao gồm cả cơn sóc làm dấy lên những la ó phần nộ của các vị đạo đức nghiêm cẩn - càng mang nặng ý nghĩa khai mở trong cơn khủng hoảng tinh thần và hoàn cảnh rệu rã, suy sụp nhiều bề ở một nước Đức thất trận chưa thực sự hoà giải với các nước láng giềng. Vào những năm 1950, văn học hậu chiến Đức, bại liệt vì chủ nghĩa quốc xã, đã bế tắc do mặc cảm tội lỗi lại càng bị ức chế bởi lời cảnh báo của nhà triết học hàng đầu Theodor Adorno, người luôn tự vấn mình: Phải tư duy thế nào sau Auschwitz? “Viết một bài thơ sau Auschwitz là hành động man rợ và vì vậy, ngày nay, làm thơ đã trở nên bất khả.” Adorno tuyên bố. Có nghĩa là không thể viết, nói chung. Nhưng thế hệ của Heinrich Böll, của Günter Grass vẫn viết. Và khi viết, họ nhớ “đỉnh ninh trong đầu như Adorno trong cuốn *Minima Moralia: Suy nghĩ từ cuộc sống bị huỷ hoại* (1951) của ông, rằng Auschwitz đã gây ra một kẽ nứt, một

¹ Trường phái triết học cổ Hy Lạp do Parmenides sáng lập, nghiên cứu về thế giới hiện tượng, có thể coi là tiền thân của hiện tượng học.



quãng trống không gì bù đắp nổi trong lịch sử của văn minh¹.” Chỉ có như vậy, Günter Grass và thế hệ của ông mới vượt nổi ức chế. Và riêng phần mình, ông đã tìm ra một bí quyết: cách duy nhất để có thể viết sau Auschwitz, dù là viết thơ hay văn xuôi, là *trở thành ký ức và không để cho quá khứ chắm dứt*.

Chính trên tình thần đó, lời tuyên dương của hội đồng Nobel đã khẳng định: “Nhưng ngụ ngôn đen giỡn cợt của ông (Günter Grass) thể hiện gương mặt bị lãng quên của lịch sử.”

Ngụ ngôn? Phải, vì hầu hết các tiểu thuyết của Günter Grass đều là những ngụ ngôn hiện đại. Và *đen*, hiểu theo nghĩa u-mua đen (humour noir) cười ra nước mắt. Vâng, như tôi thấy, Günter Grass là một nhà ngụ ngôn quái kiệt của thế kỷ 20. Trước khi bàn tiếp, xin lược qua vài nét “lý lịch trích ngang” của ông. Grass sinh năm 1927 ở Danzig nay là Gdansk thuộc Ba Lan. trước khi chuyển sang viết văn, ông học hội họa - điêu khắc ở trường đại học mỹ thuật. Là thành viên của *Nhóm 47* (Gruppe 47) do Hans Werner Richter và A.Andersch sáng lập ở Munich năm 1947 và giải tán năm 1977, với khuynh hướng dân chủ, đấu tranh khắc phục những hậu quả do chiến tranh phát-xít để lại, ông phát ngôn cho một thế hệ bị bầm giập ê chề đến mất phẩm giá bởi chủ nghĩa quốc xã.

Günter Grass biết rất rõ những chấn thương tinh thần cùng những di hại bệnh lý - xã hội, không tiết nọc với sự các nhung của chủ nghĩa quốc xã. Ta có thể thấy những hội chứng đó (mà ông bắt mạch được ở những người cùng thời) hiện lên qua từng chương đoạn của *Cái trống thiếc*, qua những cuộc phiêu lưu của gã lùn dị dạng Oskar Matzarath, kể ngay từ buổi sinh nhật lần thứ ba đã dứt khoát khước từ thế giới người lớn bằng cách quyết định thôi không lớn về thể hình nữa. Như một nhân chứng ngỗ ngược của những sự kiện diễn ra ở Danzig từ 1924 đến 1950, nhìn thế sự từ tầm cao chín mươi tư xăng-ti-mét, nghĩa là từ gần sát mặt đất, lia con mắt dao mổ dọc theo triền lịch sử như một tấm gương làm méo hình, Oskar, dưới bề ngoài của một đứa bé mãi mãi lên ba, nhưng với sự già dặn trí tuệ của người trưởng thành, làm nảy ra từ cái trống đồ chơi con nít một thế giới nhỏ nhãng, kịch cớm và bí hiểm, một nhân loại bất lực với thân phận ê chề vùi lấp dưới những đống nát của lịch sử.

¹ Diễn từ nhận giải Nobel của Günter Grass.



Trong tác phẩm, có nhiều phát triển lưỡng phân. Ngay ở Günter Grass, cũng có một vùng Đức và một vùng Ba Lan, một ngày hôm qua và một ngày hôm nay. Người kể chuyện, cũng là nhân vật chính Oskar, đan xen hai tầng nhân cách, lúc thì “tôi” (nhân xưng ngôi thứ nhất), khi lại “nó”, “gã”, “hắn” (nhân xưng ngôi thứ ba). Oskar - nhân vật phản-nhân-vật, nếu có thể nói vậy. Oskar với giọng hát diệt-thủy-tinh đôi khi được dùng làm phương tiện cám dỗ thiên hạ vào vòng tội lỗi, với tiếng trống quây phá nhiều phen làm xáo đảo những cuộc mít-tinh, biểu tình quốc xã, Oskar như một Sinbad hiện đại với nghìn lẻ một cuộc phiêu lưu kỳ dị (Oskar ngày đầu tiên và duy nhất đến trường, Oskar dưới khán đài, Oskar Kẻ Cám Dỗ, Oskar thủ lĩnh băng cướp, Oskar nhạc công jazz, Oskar thợ khắc chữ bia mộ, Oskar đánh cắp một chuyến xe điện, Oskar thờ cúng một ngón tay đàn bà...), Oskar, nhân vật phản-nhân-vật đó, là một á hung thần. Ngay từ đầu, Oskar đã chọn phe Xa-tăng, nín giữ Xa-tăng lại trong mình như một bản ngã thứ hai: với tất cả các nghi thức trọng thể của nhà thờ, cha Wienke luôn mồm niệm chú (Vade retro Satanas) vẫn không đuổi được Xa-tăng khỏi đũa bé được mang đến bàn thờ Chúa chịu lễ rửa tội. Gia đình, tình yêu, cái chết, tôn giáo... tất thảy đều là đối tượng báng bổ, vùi dập châm chích giễu cợt của gã quý lùn không từ cái gì, không tha ai, kể cả người mẹ “tội nghiệp” mà gã chỉ yêu vì bà thường xuyên mua trống cho dĩa, hai người cha “giả định” - Alfred Matzerath và Jan Bronski - mà gã đều phản đối đưa đến cái chết. Phản bội, lật lọng là ứng xử thường thấy ở Oskar khi đến bước đường cùng cần phải tháo thân: với Roswitha trong cuộc đổ bộ của quân Đồng Minh, với các “chiến hữu” trong Băng Quét Bụi khi bị bắt và khi ra toà. Chỉ có một vài gương mặt hiếm hoi được gã nhắc đến với ít nhiều tình cảm triu mến: ông ngoại gã, kẻ tội đồ phóng hoả bị truy nã Joseph Koljaiczek (đã chết dưới găm bè hay hiện là nhà triệu phú Joe Colchie ở tiểu bang Buffalo, Mỹ?); người Do Thái Sigismund Markus, chủ hiệu đồ chơi, nguồn cung cấp trống cho gã; anh chàng Herbert Truczinski với cái lưng đầy sẹo; và nhất là người đàn bà trên cánh đồng khoai tây Kashubes, bà ngoại Anna Koljaiczek của gã. Oskar, trong những khoảnh khắc suy sụp, thường tìm an ủi người ngoại ở ba nơi: dưới găm bàn, trong tủ áo và đặc biệt là túp lều bốn tầng vấy khăn khăn mùi bơ của bà ngoại Anna, chốn nương nấu thân thương mà suốt đời, gã không ngơi khao khát.

Bên cạnh Oskar, tác phẩm còn có một nhân vật trung tâm thứ hai, có lẽ nên đặt từ tổ *nhân* trong ngoặc kép vì đây không phải là một con người cụ thể, mà là một thành phố: Danzig. Một bên là Oskat, một bản thể bày đặt, bên kia là Danzig, một thành phố đã mất, một thành phố bao lần bị giành đi giật lại giữa các nước láng giềng hùng cường trong suốt lịch sử của nó. Danzig, đến cái tên cũng không còn! Nếu Dostoievski vẽ cả bản đồ Saint



Petersbourg cổ, thì về phần mình, Grass dành nhiều trang mô tả thành phố chôn nhau cắn rón của mình, gọi lại hình ảnh những thành phố, công viên, trường học, triền sông, bãi biển, nghĩa trang, những công trình kiến trúc cổ, đền đài, dinh thự, nhưng Langfuhr, Labersweg, Tháp Công Lý, Nhà Thờ Thánh Tạm, kể cả những chuyến tàu điện đi ra ngoại ô và từ ngoại ô vào thành phố. Để rồi, cuối cùng, hoả táng nó như thể dựng một đài tưởng niệm tượng trưng:...”*Phố Cầu Liêm, phố Dài, Phố Rộng, Phố Thợ Dệt Lớn, Phố Thợ Dệt Nhỏ bốc lửa, Phố Tobias, Phố Chó Ngao, Hào Phố Cổ, Hào Ngoại Ô, Luỹ và Cầu Dài cháy tắt. Cửa Sếu làm bằng gỗ cháy mới ngon làm sao. Ở Phố Quần Cộc, lửa đã đặt may cho mình một loạt quần óng ánh. Nhà Thờ Nữ Thánh Mary cháy cả trong lẫn ngoài, nhìn qua những cửa sổ như ánh sáng ngày hội. (...) Ở Cối Xay Lớn, người ta xay bột đổ rục. Phố Hàng Thịt sực mùi thịt quay cháy, Nhà Hát Thành Phố công diễn vở kịch một hồi nhưng hai nghĩa nhan đề “Giấc mơ của kẻ phóng hoả”. (...) Tu viện dòng thánh Francisco hoan hỉ bùng lên nhân danh thánh Francisco, người vốn yêu lửa và hát ngợi lửa. Phố Dừa Bà cháy vì cả Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con cùng một lúc. Khởi phải nói Chợ Gỗ, Chợ Than và Chợ Cỏ Khô đã tan thành khói. Phố Bánh Mì, lò và bánh chia lửa với nhau. Phố Bình Sữa, sữa tràn ra ngoài. Chỉ riêng toà nhà của hãng bảo hiểm cháy, thuận tuý vì lý do tượng trưng, là không chịu bốc cháy...”* Những dòng không mấy may bị lụy, nhưng qua đó ta vẫn thấy rõ Danzig là nỗi đau của Günter Grass. Như vẻ đẹp của phố cổ Hà Nội dần dần chỉ còn lưu lại trong tranh của Bùi Xuân Phái, Danzig giờ chỉ còn sống trong tác phẩm của Grass. Ước nguyện “trở thành ký ức và không để cho quá khứ chầm dứt” đã thôi thúc ông viết cả một *Saga* ba bộ về Danzig mà *Cái Trống Thiếc* là phần đầu - hai phần sau là *Mèo và Chuột* (1961) và *Những Năm Chó* (1963). Và có lẽ nỗi đau mất quê hương ấy cũng là nguyên do khiến Grass luôn bị ám ảnh bởi mô-típ trốn chạy và truy đuổi: mở đầu và kết thúc *Cái Trống Thiếc* đều là một cuộc đào tẩu và lũng bắt. Nét chủ đề ấy còn trở lại cả trong cuốn sách mới nhất của ông nhan đề *Im Krebsgang* (Đi Như Cua).

Cái Trống Thiếc, vào thời điểm nó ra đời, còn là một cú sốc phi pháp. Tác giả chửi “những ngụ ngôn đen” của mình trên một bút pháp vừa hoạt bát phóng túng vừa đấp ắp liên tưởng, cuồn cuộn những sóng chữ nghịch nhĩ, chói màu, xứng đáng với Rabelais. Một cách táo bạo đầy hiệu quả, nhà giả kim Grass đã hoà trộn các cấp độ ngôn ngữ từ phong cách Kinh Thành đến các ăn nói bình dân đầy biệt ngữ tục tĩu, các yếu tố ba-rốc, huyền hoặc, xuất biểu, siêu thực, xoay quanh những hình ảnh “cao áp” (nếu có thể nói vậy) với dung lượng kịch tính và tượng trưng cực đại (đám lươn lúc nhúc trong đầu một con ngựa chết, những tầng váy của bà ngoại Anna...). Và đằng sau cái giỡn cợt là một chân lý cay



đấng. Về phương diện này chương *Hầm Hành* là một mẫu mực đầy liên tưởng xã hội- triết học. Khách đến cái tiệm đặc biệt này là những người có những tâm sự đau buồn nhưng lại mất khả năng khóc, nên phải nhờ cậy hơi cay của hành để trút voi nỗi lòng qua nước mắt. “*Không, không phải hề tim đầy tràn thì tất yếu mắt phải lã chã giọt châu một số người không bao giờ nhỏ được một giọt nước mắt, nhất là ở thế kỷ của chúng ta, cái thế kỷ mà bất luận mọi đau buồn và thống khổ, chắc chắn sẽ bị hậu thế coi là thế kỷ ít nước mắt nhất*”¹. “*Đó hình như cũng là một trong những suy tư chủ đạo được ông phát triển trong cuốn *Thế Kỷ Của Tôi* xuất bản cách đây vài năm.*

Mùa thu này, Günter Grass kỷ niệm sinh nhật lần thứ 75 của mình. Bài diễn từ nhận giải thưởng văn học Nobel 1999 của ông có đầu đề là: *Còn Tiếp*. Cuốn sách mới của ông đang một lần nữa làm xôn xao dư luận, chứng tỏ ông vẫn đang rất sung sức. Xin chúc nhà văn dồi dào sức khoẻ và nhiệt hứng sáng tạo để giữ trọn lời hứa “*Còn Tiếp*” của mình.

Dương Tường

¹ Do tôi gạch dưới (DT)



Quyển 1



Tặng Anna Grass

CÁI VÁY ỤP

Ờ phải: tôi đang nội trú ở một bệnh viện tâm thần. Tay y tá để mắt theo dõi tôi; có một lỗ nhòm ở cánh cửa và mắt của tay y tá lại màu nâu không thể diện quang được tôi bởi vì mắt tôi màu xanh lơ.

Vậy thì người canh giữ tôi không thể là kẻ thù của tôi. Tôi đã thấy mê mẩn anh ta. Khi tay gián điệp rình sau cánh cửa ấy bước vào phòng tôi, tôi thường kể anh ta nghe vài mẩu đời tôi để anh ra hiểu tôi bất chấp cái lỗ nhòm. Anh chàng tốt bụng có vẻ khoái những chuyện tôi kể, vì tôi vừa cho anh ta nuốt chửng một chuyện khá hoang đường thì anh ta đã khoe ngay một kiểu nút dây do anh mới sáng tác để tự giới thiệu mình. Anh ta có phải là một nghệ sĩ hay không, cái đó còn phải xem đã. Tuy nhiên, các tác phẩm của anh ta, nếu đem triển lãm, chắc sẽ được báo chí hoan nghênh: thậm chí, có thể còn có một số người mua là đẳng khác. Anh ta thắt nút những sợi dây tạp nhạp được gom nhặt và gỡ rối sau các buổi người nhà vào thăm bệnh nhân; anh ta bện chúng thành những vật còi cọc phức tạp, giâm vào thạch cao, để cho chúng cứng lại và lấy những kim đan cắm chúng lên những cái đế gỗ nhỏ.

Anh ta ve vuốt ý nghĩ tô màu cho những tác phẩm của mình. Tôi ráng khuyên anh đừng có làm thế; tôi nêu cái giường kim loại láng trắng của tôi làm ví dụ so sánh và đề nghị anh tưởng tượng cái giường đó bị đem sơn lại loè loẹt. Khiếp đảm, anh ta giơ hai bàn tay y tá của mình lên chấp vào nhau trên đầu, cố bắt bộ mắt đờ đờ của mình biểu lộ tất cả các vẻ kinh hãi rồi từ bỏ dự định tô màu nọ.

Thế là cái giường kim loại của tôi thành một vé so sánh. Đối với tôi, nó còn hơn thế nữa: cái giường của tôi, đó là mục tiêu, rớt cuộc, đã đạt, là niềm an ủi của tôi, và đó có thể là tôn giáo của tôi nếu như ban quản trị bệnh viện chấp nhận cho sửa đổi đôi chỗ: tôi muốn nâng cao chân song sắt để trốn mọi tiếp xúc.

Mỗi tuần một lần, ngày thăm bệnh nhân quấy rối cõi yên tĩnh trong đó tôi sống đằng sau những chân song kim loại màu trắng. Vào ngày đó, kéo tới những người muốn cứu vớt tôi, những người tìm tiêu khiển trong việc yêu thương tôi, những người cần đến tôi để tự trân trọng, tự tôn vinh, tự biết mình. Sao mà họ mù quáng, bòn chòn, quê kệch! Họ lấy



những móng tay như gọng kìm cào cào hàng sơn sắt láng trắng ở giường tôi, lấy bút bi hoặc bút chì vẽ nguệch ngoạc lên lớp véc-ni những hình người dài ngoẵng khiếm nhã. Tay trạng sư biện hộ cho tôi vừa tới đã chụp chiếc mũ nilông lên cọc giường tôi và chào hỏi oang oang tưởng đến làm sập cả phòng bệnh. Chừng nào y còn ở lại trong phòng - lạ gì cái thói bẻm mép của dân thầy cãi - hành vi bạo lực của y còn làm tôi mất thăng bằng và thư thái.

Sau khi đặt quà cáp lên chiếc bàn một chân phủ tấm vải sơn màu trắng kê dưới bức tranh thuốc nước vẽ cổ chân ngỗng và kể lể chi tiết những kế hoạch cứu chữa mà họ đang hoặc sắp sửa thực thi, nhằm ngồi vào đầu tôi, đối tượng của những xoay sở không biết mệt của họ, ý thức về mức độ tận tâm của họ, những con người này lại thấy trần trề yêu đời và từ giã tôi. Lúc đó, tay y tá của tôi mới đến; anh ta làm thông thoáng phòng rồi gom nhặt các sợi dây buộc những gói quà. Nhiều khi, thông phòng xong anh còn có thì giờ vừa ngồi bên giường tôi gỡ dây vừa toả ra mênh mông im lặng đến nỗi cuối cùng tôi gọi im lặng là Bruno và Bruno là im lặng.

Bruno Munsterberg - thôi không đùa nữa: đó là tên người y tá của tôi - mua cho tôi năm trăm tờ giấy viết. Nếu số dự trữ này không đủ, Bruno, vốn độc thân, không vợ không con, quê ở Sauerland, sẵn sàng đến cái xưởng giấy nhỏ một lần nữa (ở đây bán cả đồ chơi) kiếm cho tôi những gì cần thiết để hoàn thành bài tập hồi ký của mình, tôi hy vọng thế. Tôi ắt chẳng bao giờ có thể yêu cầu những người đến thăm tôi giúp cho việc ấy, không thể nhờ cha trạng sư chẳng hạn, hoặc Klepp cũng không được. Lòng yêu mến ân cần, lo lắng, chắc chắn sẽ ngăn các bạn tôi mang một vật nguy hiểm như giấy trinh bạch vào đây để phó mặc cho sự bài tiết ngôn từ trí não tôi.

Khi tôi bảo Bruno: “Này! Bruno, anh có vui lòng mua giúp tôi năm trăm tờ giấy còn trinh không?” thì anh ta ngược nhìn trần nhà và chĩa ngón tay trở lên đó mà rằng: “Giấy trắng như thế kia à, ông Oskar?”

Tôi thích cái từ “còn trinh” ấy và tôi bảo Bruno đến cửa hàng cũng cứ nói thế. Khi anh ta trở về vào cuối buổi chiều với xấp giấy, tôi thấy là anh ta đang có những khúc mắc trong lòng. Mấy lần, anh nhìn thật lâu lên trần nhà, nơi anh kiếm tìm mọi cảm hứng của mình, rồi lát sau bật ra: “Ông đã dặn tôi nói cái từ cần nói. Lúc tôi hỏi mua giấy trinh nguyên, cô bán hàng đỏ rừ mặt trước khi mang hàng ra cho tôi.



Nỗi sợ phải lao vào một cuộc trò chuyện kéo dài về đề tài các cô gái bán hàng ở xưởng giấy khiến tôi đâm tiếc là đã dùng cụm từ giấy còn trinh: bởi thế tôi im lặng và chờ cho Bruno rời khỏi phòng; bây giờ tôi mới mở cái gói bọc năm trăm tờ giấy ra.

Một lát sau, không lâu lắm, tôi thử nhấc xấp giấy khá cứng và nâng nó lên. Tôi đếm lấy mười tờ và cắt số còn lại vào tủ nhỏ cạnh giường; tôi lấy chiếc bút máy trong ngăn kéo, cạnh quyển album ảnh: bút đầy mực. Tôi có đủ mực dự trữ và tôi bắt đầu.

Như thế nào đây? Người ta có thể bắt đầu từ đoạn giữa rồi, bằng một cung cách táo bạo, làm rối beng đoạn đầu và đoạn cuối. Người ta có thể chọn loại hình mô đéc, xóa nhòa các thời kỳ và các khoảng cách rồi sau đó tuyên bố hoặc để cho tuyên bố là rất cuộc, người ta đã giải quyết được vấn đề không gian thời gian. Người ta cũng có thể tuyên bố ngay từ đầu rằng ngày nay, viết tiểu thuyết là điều bất khả, rồi, cách nào đó chính bản thân mình cũng không biết (nếu có thể nói thế), để luôn ra một pho tiểu thuyết dày cộp để ra cái điều là ta đây là tiểu thuyết gia cuối cùng còn tồn tại. Tôi cũng nghe nói là muốn tốt và hợp cách thì tiên chung hãy nêu lên thành định đề: không còn có nhân vật chính của tiểu thuyết nữa vì không còn có những kẻ cá nhân chủ nghĩa, vì cá tính đã mất tiêu, vì con người là cô đơn, mà giờ mọi người đều cô đơn y hệt nhau, bị tước mất nỗi cô đơn cá thể và hợp thành một khối đoàn kết vô danh không có nhân vật chính. Chung quy, điều đó đâu phải là bất khả. Nhưng về phần chúng tôi - tôi đây, Oskar, và anh chàng y tá Bruno của tôi - tôi muốn khẳng định thẳng thừng: cả hai chúng tôi đều là nhân vật chính, những nhân vật chính khác hẳn, anh ta đằng sau lỗ nhòm, tôi đằng trước; và khi anh ta mở cửa là thôi rồi: bất chấp tình bạn giữa chúng tôi và nỗi cô đơn của mỗi chúng tôi, cái còn lại chỉ là một khối vô danh không có nhân vật chính...

Tôi sẽ bắt đầu từ thời điểm khá lâu trước khi có tôi; bởi vì chẳng ai nên mô tả đời mình mà không chừa thời gian trước cuộc tồn sinh của chính mình để tưởng niệm nửa số ông bà nội ngoại. Hồi các vị đang sống một cuộc sống rối rắm cách xa cái bệnh viện tâm thần này, tất cả các vị, bạn bè và khách thăm hằng tuần, vốn không ngờ đến chuyện tôi tích trữ giấy, tôi xin giới thiệu với quý vị bà ngoại của Oskar.

Vào một buổi chiều tà tháng mười, bà ngoại tôi Anna Bronski đang ngồi xếp dưới đất trong mớ váy lờ xòe bên một ruộng khoai tây. Nếu đó là buổi sáng, ắt ta đã có thể thấy bà lấy cào vun những lá khoai thành từng đống nhỏ xinh bằng những động tác khéo biết chừng nào. Buổi trưa, bà đã ăn một lát bánh mì ướp mỡ lợn quét nước mật rồi cuộc xới nốt



mảnh ruộng. Bây giờ bà đang ngồi xếp dưới đất trong mớ giữa hai cái thúng đã gần đầy. Trước những đế ủng dựng ngược hai mũi xáp gần nhau của bà, phập phều một ngọn lửa hen xuyên đốt bằng lá khoai, tỏa trên mặt đất thoải thoải một làn khói bệt ngập ngừng. Đạo ấy vào năm 1899. Bà tôi đang ở xứ sở người Kashubes¹ gần Bissau, nhưng đúng ra là về bên phía nhà máy gạch. Bà ngồi bệt dưới đất, cách Ramkau không xa, đằng sau Viereck, mặt hướng con lộ Brenntau, giữa Dirschau và Karthaus, quay lưng lại cánh rừng Goldking sẫm tối, và với một nhánh cây phi đã cháy thành than ở chỗ đầu nhọn, bà vùi những củ khoai tây xuống lớp tro nóng.

Sở dĩ tôi vừa đặc biệt nhắc đến cái váy của bà tôi, sở dĩ tôi đã nói khá rành rõ: “Bà ngồi xếp dưới đất trong mớ váy” - sở dĩ tôi đặt tên chương này là “Cái váy ụp”, đó là vì tôi biết rõ mình mang nợ cái món trong phục ấy những gì. Bà tôi không chỉ mặc một, mà những bốn cái váy chồng lên nhau. Không phải bà mặc một chiếc váy dài và ba chiếc váy ngắn; bà mặc bốn cái váy dài như nhau, cái nợ đỡ cái kia; bà mặc váy theo một hệ thống riêng, mỗi ngày lại đổi trật tự chồng váy. Cái hôm qua mặc ngoài cùng, hôm nay cho vào trong, dưới một lớp, cái thứ hai thành cái thứ ba. Cái thứ ba hôm trước giờ ôm sát người. Cái váy bữa qua tiếp xúc với da thịt bà tôi giờ phô ra họa tiết, nghĩa là chẳng có họa tiết gì: những chiếc váy của bà ngoại Anna Bronski đều thuần một sắc thái khoai tây như nhau. Hẳn là cái sắc thái này hợp với màu da bà.

Ngoài cái sắc độ ấy, những cái váy của bà tôi còn khác thường ở tầm rộng quá mức của khổ vải. Chúng khum thành hình chuông, phồng lên và kêu phàn phật khi gió thổi, xếp xuống khi tắt gió và cả bốn cái xòe ra phía trước bà khi bà đi xuôi gió. Muốn ngồi xuống, bà phải thu gọn chúng quanh mình.

Ngoài bốn cái váy thường xuyên phồng lên hoặc rũ xuống, quần quanh hay dựng đứng, cứng sừng và trống rỗng, bà tôi còn có một cái váy thứ năm bên cạnh giường nằm. Cái này chẳng có gì khác với bốn cái kia, cũng màu khoai tây. Hơn nữa, cái váy thứ năm không phải là bất di bất dịch. Giống như các chị em của nó - bởi vì váy vốn là giống cái mà - nó cũng phải phục vụ theo chế độ luân phiên, có mặt trong số bốn cái váy được mặc vào người và cũng như chúng, cứ đến phiên (nghĩa là năm tuần một lần vào ngày thứ sáu) lại

¹ Dân tộc Tây Xlavơ đã Đức hóa sống ở vùng Tây Phổ cũ và Đông Bắc Pomerania. Cho đến năm 1945, khoảng 150.000 người vẫn nói tiếng Kashubes như tiếng mẹ đẻ. Tiếng Kashubes thành một thổ ngữ trung gian giao tiếp giữa người Ba Lan và người Tây Pomerania. (Tất cả các chú thích trong cuốn sách này đều của người dịch).



phải đem giặt trong chậu, sáng thứ bảy đem phơi trên dây trước cửa sổ nhà bếp và khi nào khô, đem là trên tấm ván là.

Cứ sau một ngày thứ bảy bù đầu với công việc nội trợ - nào bếp núc, nào giặt giũ, là ủi - sau khi vắt sữa con bò cái và cho nó ăn, bà ngoại tôi ngâm mình từ đầu đến chân vào bồn tắm, bỏ lại một chút bản thân vào trong nước và bọt xà-phòng, sau đó bước ra ngồi lên mép giường, mình quấn khăn tắm vải hoa, lúc ấy, trên sàn trước mặt bà đã xếp sẵn bốn chiếc váy vừa mặc và chiếc váy sạch. Bà đưa ngón tay trở bên phải ấn lên mí mắt dưới bên phải, không hỏi ý kiến bất kỳ ai, kể cả ông anh trai Vincent; vì thế, bà quyết định khá nhanh. Đứng trên đôi chân trần, bà lấy ngón chân gạt sang bên cái có màu khoai tây bọt nhất trong số bốn cái váy. Bây giờ, cái váy sạch nhất bèn được thế vào chỗ vừa bỏ trống.

Sáng chủ nhật, bà đi lễ nhà thờ Ramkau và khai trương trật tự mới trong chồng váy để tỏ lòng tôn kính Chúa Giê-xu - ý niệm của bà về Chúa Giê-xu rất rõ ràng. Bà tôi mặc cái váy mới giặt như thế nào? Đây không chỉ là một phụ nữ sạch sẽ mà còn là một phụ nữ hơi phù phiếm, cho nên bà trưng cái váy thơm tất nhất ra ngoài, đặc biệt vào những ngày nắng đẹp.

Vậy mà cái buổi chiều bà tôi ngồi bệt dưới đất đằng sau đồng lửa lá khoai ấy làm nhằm đúng một ngày thứ hai. Cái váy mặc bên ngoài hôm chủ nhật, sang ngày thứ hai, xích lại gần người bà thêm một lớp, trong khi đó cái váy hôm trước còn ấm hơi da thịt bà, giờ chít ngang hông, rủ xuống buồn bã bên ngoài những cái khác. Bà vừa huýt sao băng quơ vừa lấy cành phỉ cời tro moi ra củ khoai tây đầu tiên vừa chín tới. Bà đẩy củ khoai ra xa đồng lửa cho gió làm nguội đi. Rồi dùng một que nhọn xiên củ khoai đen sì, vỏ xém giòn, nứt toác đưa lên gần miệng, đôi môi khô nẻ lúc này không huýt sáo nữa mà ráng thổi cho sạch tro và đất bám trên vỏ khoai.

Bà ngoại tôi cứ nhắm mắt mà thổi. Khi cho rằng thổi vậy là đủ, bà bèn mở một mắt ra, rồi cả mắt kia nữa, những chiếc răng cửa thưa nhưng cực đẹp vừa cắn lại nhả ra liền; củ khoai bòn bọt quá nóng, bốc hơi trong hốc miệng đang há ra của bà; bên trên hai lỗ mũi phập phồng nhả khói cùng khí lạnh thảng mưởi, đôi mắt bà trợn tròn nhìn vượt qua cánh đồng về phía chân trời bị ngắt từng đoạn bởi những cột điện báo, trong đám này cao vọt lên ống khói nhà máy gạch.

Có một cái gì đang chuyển động giữa những cột điện báo. Bà tôi ngậm miệng, bặm môi lại, nheo mắt và bắt đầu nhắm nháp củ khoai. Có cái gì đó chuyển động giữa những



cột điện báo; cái gì đó nhảy chồm chồm. Ba người đang chạy giữa những cột điện báo, cả ba đều hướng về phía ống khói nhà máy gạch, rồi họ lượn một đường vòng và một trong số đó chạy theo chiều ngược lại, tốc độ mỗi lúc một tăng. Anh ta vượt qua xưởng gạch. Vóc người anh ta thấp và bè bè; hai người kia thì cao, mảnh. Rồi sau xưởng gạch, họ lại chạy giữa những cột điện báo; nhưng tay thấp và bè bè chạy ngoắt ngoéo và có vẻ vội vã hơn hai tay cao, mảnh; và hai tay này lại quay trở lui về tận chỗ nhà máy gạch vì tay kia đã lại phóng đi như mũi tên khi hai tay nọ chỉ còn cách có hai mét; và tất cả lại xuất phát, rồi dừng một cái chẳng còn ai, thôi chả chơi nữa, tay thấp bé nhảy phốc một cái từ trên ống khói, biến mất đằng sau chân trời.

Họ dừng ở đó. Đây là lúc nghỉ giải lao. Hoặc là họ thay phục trang, hoặc là họ lại nặn gạch lấy tiền công.

Lợi dụng lúc nghỉ giải lao, bà tôi định xiên một củ khoai thứ hai nhưng trượt mắt vì đúng lúc đó cái gã thấp bè bè lại nhô lên từ chân trời. Anh ta không hề thay đổi trang phục. Anh ta bước qua chân trời như thể bước qua một hàng rào, tựa hồ anh ta dần bỏ rơi những kẻ đuổi bắt mình giữa đám gạch hoặc trên quốc lộ Brennlau. Vậy mà anh ta vẫn có vẻ hối hả như trước, muốn đi nhanh hơn cả các cột điện báo. Anh ta bước những bước dài, đi xuyên qua cánh đồng; bùn bắn lên từ những đé giày, anh ta ra sức bứt mình khỏi lớp đất dính và mặc dầu bước rõ dài, anh ta vẫn chậm rề rề trên lớp đất dính. Đôi lúc tưởng như phần dưới của anh ta bị dán chặt xuống, thế rồi anh ta lại lơ lửng trên không một thoáng vừa đủ để lau mồ hôi trán trước khi lại cắm chân xuống cánh đồng mới cày ải bên cạnh năm sào khoai tây.

Và anh ta đã tới chỗ con đường trũng. Cái bóng thấp và bè bè của anh ta vừa khuất vào con đường trũng thì những cái bóng cao và mảnh của hai cha kia lại xuất hiện ở chân trời, có lẽ trong lúc vừa rồi, họ đã tranh thủ thăm xưởng gạch. Cao và mảnh chứ không gầy, chân đi ủng, họ sải bước trên lớp đất dính hăm hở đến nỗi bà tôi một lần nữa lại xiên trượt củ khoai tay: bởi lẽ đâu phải ngày nào ta cũng có dịp thấy ba người lớn hăn hoi, tuy vóc dáng có khác nhau, nhảy lò cò quanh những cột điện báo, đe dọa quật đổ ống khói nhà máy gạch, rồi, người đi đầu thấp, bè bè cách hai người kia cao, mảnh một quãng, cả ba hì hụi như nhau, kéo theo để ủng một lớp bùn mỗi lúc một dày thêm, cùng xuyên qua cánh đồng vừa được Vincent cày ải hôm kia, để rồi khuất vào con đường trũng.



Vậy là không còn nhìn thấy ai nữa và bà tôi lại có thể xiên được một củ khoai tây. Bà thổi nhanh cho sạch đất và tro, rồi bỏ tọt cả củ vào trong mồm và nghĩ bụng (ví bằng bà có nghĩ gì) chắc đó là người xường gạch. Và bèn nhai tới nhai lui, đảo cả hàm, vừa lúc một người nhô ra khỏi con đường trứng. Một cái nhìn dữ dằn vượt qua bộ ria của anh ta; nhảy phốc hai bước, anh ta đã ở cạnh đồng lửa. Cùng một lúc, anh ta ở cả đằng trước, đằng sau và hai bên đồng lửa. Anh ta chửi thề. Rõ ràng là anh ta sợ, không biết đi đâu, không thể quay lui vì hai cha kia, cao và mảnh, đang rượt theo trong con đường trứng. Anh ta đập tay vào hai đầu gối, đôi mắt như sắp bật ra khỏi đầu: mồ hôi rùng rùng trên trán. Và hỏn hển, bộ ria mép rung rung, anh ta đành liêu bò bốn chân đến tận trước đế giày của bà tôi. Anh ta lại sát cạnh và nhìn bà tôi như thể anh ta là một con vật nhỏ. Bà thở dài: không thể tiếp tục nhai khoai tây được nữa. Bà thu chân về; bà thôi không nghĩ đến gạch, đến xường gạch, đến những thợ làm gạch nữa, mà vén cái váy, à quên xin cái chính, nhất loạt vén cả bốn cái váy lên độ cao vừa đủ cho anh chàng thấp-bè-bè ấy (dứt khoát không phải là người xường gạch rồi) chui cả người vào. Giờ thì chẳng thấy anh ta đâu nữa, kể cả bộ ria mép, anh ta không còn cái vẻ của một con thú bị săn đuổi nữa, không phải người vùng Ramkau hay Viereck gì hết.

Anh ta đã biến mất dưới cái váy cùng với nỗi sợ của mình và thôi không đập tay lên hai đầu gối nữa, không thấp cũng chẳng bè bè nữa, tuy nhiên vẫn chiếm một chỗ cho riêng mình. Anh ta quên cả hỏn hển, quên cả run và quên cả đập tay lên hai đầu gối. Và tất cả bỗng im lìm như trong ngày đầu tiên của cuộc Sáng Thế hay ngày Tận Thế, một làn gió mon man ngọn lửa lá khoai, những cột điện báo lặng lẽ tự điểm danh, ống khói xường gạch đứng sững trong tư thế nghiêm. Còn bà tôi thì đưa tay vuốt chiếc váy trên cùng cho phẳng phiu. Bà hầu như không cảm thấy người đàn ông qua bốn lần váy của mình; cái váy thứ ba thậm chí không hề biết là có một điều gì mới mẻ và khác thường đang xảy đến với làn da dưới lớp váy thứ tư. Phải, thật là khác thường, nhưng vì cái váy ngoài cùng đã được vuốt thẳng thơm còn cái thứ hai và cái thứ ba thì chẳng biết mô tê gì, nên bà bèn moi từ đồng tro ra hai ba củ khoai tây, lấy bốn củ sống trong cái rổ đặt dưới khuỷu tay trái vùi vào tro nóng và dùng que cời cời cho khói bốc lên cuộn cuộn - thử hỏi bà còn biết làm gì khác nữa.

Những cái váy của bà tôi vừa mới soạn lại cho thơm tăt, làm khói sền sệt của ngọn lửa lá khoai, bị những động tác vung chân, đập tay và đảo tro làm chệch hướng, vừa mới nung theo gió chảnh lại đường bay về phía đông-nam, thì dùng một cái, hai tay cao-mảnh



nhô ra khỏi con đường trũng. Họ đuổi theo gã thấp-bè-bè lúc này đang ở dưới bốn lớp váy, và có thể thấy là hai tay cao-mảnh này, vì lý do nghề nghiệp, mang đồng phục cảnh sát.

Lao đi như hai mũi tên, họ suýt nữa vượt quá chỗ bà tôi. Một cha thậm chí đã nhảy qua đồng lửa. Nhưng, chợt nhớ ra là mình mang ủng, họ bèn dùng ủng làm phanh hãm. Mình vận đồng phục, chân đi ủng, họ bơi trong khói, rồi vừa ho sặc sụa vừa tiến lại gần, đồng phục của họ kéo theo chút khói và họ vẫn tiếp tục ho khi nói với bà tôi; họ muốn biết bà tôi có trông thấy tên Koljaiczek không, bởi chẳng bà tất phải trông thấy hắn vì bà ngồi ngay cạnh con đường trũng mà hắn, cái tên Koljaiczek ấy, thì chạy trốn theo con đường trũng.

Bà tôi chẳng thấy tên Koljaiczek nào cả bởi vì bà không biết ai tên là thế. Hắn có làm ở xưởng gạch không, bà hỏi lại, vì bà chỉ biết cánh thợ làm gạch thôi. Nhưng hai tay đồng phục mô tả tên Koljaiczek như một kẻ không liên quan gì với gạch ngói cả, mà có dáng người thấp bè bè. Bà tôi chợt nhớ là có trông thấy một gã như thế chạy theo hướng này - củ khoai tây bóc khói đầu que xiên chỉ về phía Bissau và cứ theo như củ khoai tây thì Bissau ắt hẳn ở khoảng giữa hai cột điện báo thứ sáu và thứ bảy tính từ xưởng gạch đổ về bên phải. Còn như cái gã trốn chạy ấy có phải là Koljaiczek không thì bà chẳng biết vì bà còn đang loay hoay với cái đồng lửa mịt mù cháy chẳng ra cháy dưới chân, đầu óc đầu mà để ý đến những kẻ chạy qua hay dừng lại trong đám khói. Vả lại, bà chẳng bao giờ bận tâm đến những người bà không quen biết; và bà chỉ quen những người ở Bissau, Ramkau, Vierick và xưởng gạch thôi - chừng ấy là đủ với bà.

Nói vậy rồi, bà khẽ thở dài, vừa đủ để khiến bọn đồng phục hỏi tại sao bà thở dài. Bà hát hàm về phía ngọn lửa, ý nói bà thở dài vì nó cháy tòi và phần nào cũng vì các người dừng lại trong đám khói nữa; rồi bằng những chiếc răng cửa thừa, bà cắn đôi củ khoai tây, bắt đầu nhai lầy nhai để, mắt trợn ngược lên.

Bọn cảnh sát không rút ra được thông tin gì từ cái nhìn trân trân lơ đãng của bà tôi. Họ phân vân không biết có nên tìm Bissau đằng sau những cột điện báo hay không. Để tỏ vẻ ta đây, họ thực vài nhát lê vào mấy đồng lá khoai không chịu bén lửa bên cạnh. Bất chợt nảy ra sáng kiến, họ đồng loạt lật nhào hai thùng đầy khoai tây mà bà tôi đang tì khuỷu tay lên; và phải một lúc sau họ mới hiểu ra tại sao chỉ có những củ khoai tây lăn ra trước mũi ủng của họ chứ không phải là một tên Koljaiczek. Nghi nghi hoặc hoặc, họ đi quanh đồng khoai tây, làm như thể Koljaiczek có thể trong nháy mắt đã chui vào trong đó; họ nhằm cẩn thận xọc lưỡi lê vào đó, nhưng chẳng thấy ai kêu vì bị đâm trúng. Sự nghi ngờ của họ



không bỏ qua một bụi cây còi cọc, một lỗ chuột nhất nào, rà soát một loạt hang chuột chũi rồi quay lại chĩa vào bà tôi đang ngồi xếp như mọc rễ dưới đất, miệng thở dài, mí mắt sụp xuống chỉ để lộ lòng trắng con người và lảm nhảm đọc tên tất cả các thánh bằng tiếng Kashubes với một giọng lu loa than vãn vì nổi lửa không chịu bốc và hai thúng khoai tây thì đổ tung tóe.

Bọn đồng phục ở rón lại nửa tiếng đồng hồ, lúc thì đứng cách xa đồng lửa, lúc lại sát đến gần. Họ nhằm ống khói xưởng gạch, tính chuyện chiếm Bissau, rồi quyết định hoãn cuộc tiến công lại và khi bà tôi, vẫn không ngừng thở dài, cho mỗi gã một củ khoai tây nướng cắm trên đầu que xiên. Nhưng mặc dầu mồm đang bận nhai, họ vẫn còn rảnh đầu để chợt nhớ ra là mình đang vận đồng phục và thế là hấp! họ chạy một mạch đến đầu kia cánh đồng cách khoảng một tầm ném đá, xộc tới bụi kim tước bên kia con đường trũng khiến một chú thỏ rừng chạy té ra, song có điều tên chú không phải là Koljaiczek. Họ trở lại bên đồng lửa và những củ khoai tây bộ ấm nóng mùi than hồng và bắt tay vào công việc hòa bình là xếp trả vào thúng những củ khoai tây mà vừa nãy, cúc cung tận tụy với nhiệm vụ, họ đã xô tung ra đất.

Mãi khi đến buổi chiều ép từ bầu trời ra được một cơn mưa nhỏ chệnh chéch và một hoàng hôn đen như mực, họ mới hồi hả, nhưng có phần miễn cưỡng, rời đi thám sát một cột mốc đằng xa đang chìm dần trong bóng tối. Hoàn thành nốt nhiệm vụ này là đủ, họ lại duỗi chân duỗi cẳng một chút và hơ những bàn tay ban phước lên đồng lửa đang bị mưa làm lụi dần trong khói mù. Họ sặc sụa một thôi nửa trong khói xanh, ứa một giọt nước mắt nữa trong khói vàng, họ cất bước về phía Bissau, vừa ho vừa khóc. Nếu tên Koljaiczek không còn ở đây thì ắt là hắn đang ở Bissau. Đối với một cảnh sát thì bao giờ cũng chỉ có hai khả năng mà thôi.

Đám khói mãi không tan bao quanh bà tôi như một cái váy thứ năm rộng mênh mông, thành thử cả bà tôi cùng những tên thánh bằng thổ ngữ Kashubes và bốn cái váy bà đang mặc cũng ở dưới váy như Koljaiczek.

Khi bọn đồng phục chỉ còn là những cái chấm lắc lư chìm dần trong chiều tà giữa những cột điện báo, bà tôi mới từ từ đứng dậy một cách khó nhọc, như thể bà đã mọc rễ và giờ đây gắng nhổ mình lên khiến đất vụn và rác rơi lả tả quanh người.



Koljaiczek cảm thấy lành lạnh khi phơi ra đột ngột dưới làn mưa. Anh vội cài lại khuy quần mà nỗi lo sợ cùng nhu cầu tìm kiếm một chỗ nương náu đã khiến anh cởi ra dưới những lớp váy. Những ngón tay anh làm việc nhanh thoăn thoắt vì anh sợ của quý của mình mau chóng trở nên buốt giá trong tiết thu đầy đe dọa.

Bà tôi tìm thấy dưới tro bốn củ khoai tây nóng sốt nữa. Bà cho Koljaiczek ba, còn một dành cho mình. Trước khi đưa lên miệng cắn, bà còn hỏi lại một lần nữa anh ta có phải người xưởng gạch không mặc dầu bà biết rõ rằng Koljaiczek có thể từ bất cứ nơi nào đến, nhưng không phải dân làm gạch. Không cần đợi trả lời, bà giao cho anh ta cái thúng nhẹ hơn, còn mình thì còng lưng dưới cái kia, nặng hơn. Bà còn rảnh một tay để cầm cái cào và cái cuốc, rồi, với thúng khoai tây, cào và cuốc, bà giơng buồm-bốn-váy xuôi về phía mỏ đá Bissau.

Không phải đích thị Bissau mà hơi chệch về mạn Ramkau. Vậy là họ bỏ lại xưởng gạch bên tay trái và đi về phía khi rừng đen với Goldkrug ở giữa và Brennlau ở phía sau. Ngay trước khu rừng, trong một dải đất trũng, là mỏ đá Bissau. Joseph Koljaiczek, vẫn thấp bè bè, theo bà tôi đến đó, không cách chi rời khỏi những cái váy của bà nữa.



DUỚI GÀM BÈ

Nằm dài như tôi đây trên chiếc giường kim loại vô trùng của bệnh viện tâm thành, dưới con mắt theo dõi của Bruno qua cái lỗ nhòm, mà tả lại những cuộn khói lê thê của một ngọn lửa lá khoai ở vùng Kashubes cùng với những vệt roi nghiêng của cơn mưa tháng mười, quả là không đơn giản tí nào. Nếu không có cái trống nhắc mọi tình tiết phụ cần thiết cho việc kể lại câu chuyện này trên giấy trắng mực đen - nó là bộ nhớ hoàn hảo khi ta biết khéo léo vận dụng - và nếu không được viện cho phép gõ trống ba-bốn giờ mỗi ngày, tôi ắt thành một gã cha căng chú kiết không có gì để kể về ông bà nội ngoại.

Vậy cái trống của tôi kể rằng: vào cái buổi chiều tháng mười năm một ngàn tám trăm chín chín ấy, trong khi bên Nam Phi ông chú Kruger đang chài cặp lông mày chổi sể, thì tại đây, ở quảng giữa Dirschau và Karthaus, gần xưởng gạch Bissau, dưới một cơn mưa chênch chích và bốn lớp váy đồng màu, giữa khói mù, lo âu nôm nớp cùng những tiếng thở dài đê mê theo lời nguyện cầu bằng thổ ngữ Kashubes, bất chấp những câu hỏi ngu xuẩn của hai cha cảnh sát mắt cay sè vì khói, người đàn ông thấp bè bè tên là Joseph Koljaiczek đã khởi cuộc sinh thành nên mẹ Agnès của tôi.

Ngay đêm hôm ấy, bà tôi Anna Bronski thay đổi họ. Với sự cộng tác của một linh mục rất phóng khoáng trong hành lễ, bà trở thành Anna Koljaiczek và đi theo Joseph; không phải sang Ai Cập, mà là đến cái thị xã bên bờ sông Mottlau, tại đó Joseph kiếm được một chân đi bè và tạm thời yên thân về phía cảnh sát.

Tôi khoan chưa nói tên cái thị xã ở cửa sông Mottlau ấy chỉ cốt làm tăng thêm sự hồi hộp, mặc dầu đáng ra phải làm thế ngay vì đó chính là nơi sinh của mẹ tôi. Vào cuối tháng sáu năm một chín không không - bấy giờ vừa có sắc lệnh tăng gấp đôi chỉ tiêu đóng tàu biển, loại thiết giáp hạm - mẹ tôi ra đời dưới chòm sao Nhân Sư chiếu mệnh. Tự tin, lãng mạn, kiêu kỳ và phù phiếm. Ngôi nhà đầu đời, còn gọi là domus vitae, ở độ hoàng đạo vào giờ sinh: sao Song Ngư, bản tính dễ bị ảnh hưởng. Chòm Mặt Trời đối lập với sao Hải Vương, ngôi nhà thứ bảy hay domus matrimonii uxoris, đem lại sự hỗn độn. Sao Kim đối lập với sao Thổ, gọi là hành tinh chua, như ai nấy đều biết, gây các bệnh gan và lá lách, nổi trội ở Nam Dương và chấm dứt ở Nhân Sư, được sao Hải Vương cho lươn, thích cà dục,



hành và bia, làm chua rượu, sống cùng với sao Kim ngôi nhà thứ tám tức ngôi nhà chết: dự báo chết bất đắc kỳ tử, còn như việc thụ thai trên cánh đồng khoai tây thì hứa hẹn một hạnh phúc đầy bất trắc dưới sự che chở của sao Thủy trong nhà của bà con họ hàng.

Đến đây, phải nhường chỗ cho lời phản đối của mẹ tôi: không bao giờ mẹ chịu nhận là mình được hoài thai ngoài cánh đồng khoai tây. Đành rằng ông già cũng có thử tòm tem thật - điều này thì mẹ thừa nhận; nhưng tư thế của cả hai đều không đủ thuận lợi để Koljaiczek có thể làm Anna Bronski thụ thai.

“Chắc là vào ban đêm trong khi chạy trốn, hoặc trong thùng xe của bác Vincent hoặc thậm chí mãi về sau, khi đã được cánh chở bè ở Troyl cho tá túc.”

Đó là những lời mẹ tôi thường nói để xác định bước khởi đầu cuộc sinh tồn của mình, và bà tôi, người thừa biết đầu đuôi xuôi ngược ra sao, thì cứ kiên nhẫn gặt đến sái cổ mà rằng: “Hẳn thế, con ạ, chắc là ở trong thùng xe hay có khi ở Troyl cũng nên, chứ đâu phải ngoài cánh đồng: bữa ấy mưa gió thấy mờ.”

Vincent là anh trai bà tôi. Sau khi vợ mất sớm, ông làm cuộc hành hương đến Czestochowa, ở đó Đức Mẹ Matka Boska Czestochowa¹ đã ra lệnh cho ông phải xem Người là hoàng hậu tương lai của Ba Lan. Từ đó, ông luôn vùi đầu vào những quyển sách kỳ quái, phát hiện ở từng câu trong đó sự xác nhận những mục tiêu chính trị của Mẹ Chúa Trời và để mặc em gái trông coi trang trại cùng mấy mẫu đất. Jan, con trai ông, bây giờ mới bốn tuổi, là một đứa bé ốm yếu, lúc nào cũng chực khóc: Jan chần ngỗng, tích cóp ảnh màu, và, ôi chao, quả là điềm báo trước! mới nứt mắt đã suu tầm tem thư.

Bà tôi đưa Koljaiczek cùng những thúng khoai tây về cái trang trại một lòng một dạ với Đức Mẹ Nữ Hoàng Ba Lan ấy. Sau khi biết chuyện gì đã xảy ra, ông Vincent liền chạy đến Ramkau kéo nèo cha xứ kỳ đến khi ông này đành phải đến làm lễ cưới cho Joseph và Anna. Vị linh mục ngái ngủ vừa mới ngáp ngáp dài ban phước xong và quay cái lưng giáo chức của mình ra về cùng với một lườn thịt lợn sấy hậu hĩ, là Vincent lập tức đóng ngựa vào chiếc xe hòm, xếp đôi vợ chồng mới lên chiếc ổ rơm lót bao tải, đặt thẳng cu Jan run cầm cập và lệnh cho ngựa thẳng tiến vào đêm tối: chuyến đi tân hôn đang hồi khẩn trương.

¹ Tương truyền tấm hình Đức Mẹ Đồng Trinh trong một nhà thờ - tu viện ở Czestochowa là do chính Thánh Luke vẽ và đã phát huy phép màu giải được một cuộc bao vây của quân Thụy Điển trong thế kỷ 17. Nơi đây trở thành một trong những đền đài miếu mục nổi tiếng nhất ở Ba Lan, hiện nay hàng năm vẫn thu hút hàng đoàn người hành hương.



Khi xe tới cảng bốc gỗ của thị xã, đêm đã tàn nhưng trời vẫn còn tối. Những người bạn, cũng dân chõr bè như Koljaiczek, đón cặp uyên ương trên đường trốn chạy. Vincent đánh xe lộn lại và cho ngựa đi về hướng Bissau: một chị bò cái, một ả dê, một mụ nai sừng với lũ lợn con, tám con ngỗng và chú chó canh đang chờ thức ăn, chưa kể cu Jan đang hâm hấp sốt cần một cái giường nằm.

Joseph Koljaiczek lặn biệt ba tuần, đủ để nuôi một bộ tóc mới có đường rẽ ngôi; ông cạo nhẵn ria, xoay giấy tờ căn cước mới sạch trơn không vết bợn và kiếm được một chân đi bè dưới cái tên Joseph Wranka. Nhưng tại sao Koljaiczek lại phải lấy giấy tờ căn cước của gã đi bè Wranka đã bị đánh ngã nhào khỏi bè trong một cuộc ẩu đả và chết đuối ở trên sông Bug vào quãng trên Modlin một tí mà nhà chức trách không hề hay biết? Bởi lẽ sau một thời gian bỏ nghề đi bè, ông đã làm việc ở một xưởng cưa ở gần Schwetz, tại đó ông đã có chuyện xung đột với chủ xưởng. Đó là vì một cái hàng rào mà bàn tay khiêu khích của Koljaiczek đã sơn thành hai màu đỏ - trắng¹. Chắc là để chứng tỏ ta đây không phải tay vừa, lão chủ xưởng cưa nhỏ hai cái cọc rào, một đỏ một trắng, nện lên cái lưng nòi Kashubes của Koljaiczek những đòn trời giáng kỳ cho đến lúc hai cái cọc rào mang màu ái quốc đó nát vụn thành một đồng đo đỏ trắng trắng. Chùng đó đủ khiến Koljaiczek uất máu đến nổi ngay đêm hôm sau, hẳn là một đêm trời đầy sao, ông đã hòa lửa đỏ vào màu trắng của xưởng cưa mới toanh vừa quét vôi để tôn vinh một nước Ba Lan bị chia cắt song chính vì lẽ đó lại càng thống nhất hơn bao giờ hết.

Thế là Koljaiczek trở thành kẻ phạm tội phóng hỏa, mà không phải chỉ một lần, bởi lẽ những ngày sau đó, trên khắp miền Tây nước Phổ, các xí nghiệp cưa cũng như bãi gỗ, đều làm môi cho ngọn lửa hai màu hùng hục tình cảm dân tộc. Như tất cả mọi lần liên quan đến tương lai đất nước Ba Lan, Đức Mẹ Maria Đồng Trinh đều can dự vào các vụ hỏa hoạn này và có những nhân chứng mục thị - những người này có lẽ chưa phải đã chết hết tuyên bố là đã thấy Mẹ Đức Chúa Trời đội vương miện Ba Lan trên những mái nhà đang sập đổ của nhiều xưởng cưa. Nghe nói dân chúng, vốn cứ thấy cháy to là kéo đến, đã cất giọng hát bài ca ngợi Bogarodzica Mẹ Chúa Trời. Phải thừa nhận rằng những đám cháy của Koljaiczek là chuyện thiêng liêng: ở đó, người ta thường phát thệ.

Và trong khi Koljaiczek bị truy lùng ráo riết dưới tội danh đốt nhà thì gã chõr bè Joseph Wranka tứ cố vô thân, hiền lành, vô vị, không tiền án tiền sự, không mấy ai biết đến cũng

¹ Màu cờ Ba Lan.



chẳng ai truy lùng, vẫn chia mớ thuốc lá nhai của mình thành những khẩu phần hằng ngày, cho đến một hôm, ngã tóm xuống sông Bug, để lại trong túi áo va-roi ba khẩu phần thuốc lá cũng với giấy tờ tùy thân. Và vì gã Wranka chết đuối không nói được nữa mà cũng chẳng ai hỏi han lời thôi gì về gã, nên Koljaiczek, vốn cùng khổ người và cùng kiểu đầu tròn xoay, bèn luồn mình vào chiếc áo va-roi, rồi vào giấy-tờ-căn-cước lý-lich-không-tiền-án-tiền-sự của gã, bỏ thói quen hút tẩu chuyển sang nhai thuốc, tập nhiễm những đặc tính riêng nhất, thậm chí cả những lỗi phát âm, của Wranka. Trong những năm sau đó, trong vai một tay bè chịu thương chịu khó, tần tiện, hơi cà lăm, ông đã chở hàng từng gổ xuôi các dòng sông Niemen, Bobr, Bug và Vistula. Cũng cần nói thêm rằng Wranka đã từng leo được lên chức cai trong đội khinh kỵ binh của Thái tử, dưới quyền chỉ huy của Mackensen, vì Wranka chưa làm nghĩa vụ quân sự còn Koljaiczek, lớn hơn bốn tuổi, đã phục vụ trong pháo binh tại Thorn với một thành tích kém cỏi.

Những tên dữ dằn nhất trong đám đạo tặc, giết người, đốt nhà, ngay cả khi đang theo đuổi công việc bắt lươn của chúng, vẫn rình ngóng cơ hội kiếm được một nghề tử tế hơn. Một số tên đã gặp may trong cố gắng tìm kiếm ấy. Trong cái lót của Wranka, Koljaiczek trở thành người chồng hiền đức, chừa hẳn cái tật phóng hỏa, chừa tiết nọc đến độ chỉ nhìn thấy một que diêm, ông đã run lên. Những bao diêm vô tội bỏ vương trên bàn nhà bếp không tránh khỏi những cơn bạo lực của ông, ấy vậy mà đáng lý ông phải là người phát minh ra diêm mới đúng. Nhưng ông quẳng cái vật cấm dỗi ấy qua cửa sổ. Bà ngoại tôi phải khó khăn lắm mới chuẩn bị được bữa ăn nóng sốt đúng giờ giấc. Nhiều đêm, gia đình phải ngồi trong bóng tối vì không có gì để thắp đèn.

Tuy nhiên Wranka này đâu phải là một bạo chúa. Ngày chủ nhật, ông đưa Anna Wranka của mình đi châu lễ nhà thờ ở phố dưới và cho phép bà đi dạo trong bốn chiếc váy như trên cánh đồng khoai tây xưa, với tư cách là vợ chính thức của ông. Mùa đông, khi các dòng sông đóng băng, và cánh chở bè không có việc làm, ông ngoan ngoãn ở lại Troyl. Nơi đây, chỉ có cánh chở bè, phi bên cảng và thợ đóng tàu trú ngụ. Ông trông coi đứa con gái nhỏ Agnès, cô bé có vẻ như thiên về 'gien' bố: lúc nào cũng trốn lủi, không dưới gầm giường thì trong tủ quần áo, hoặc khi nhà có khách thì ngồi thu lu dưới gầm bàn chơi với những con búp-bê nhồi cát.

Cô bé Agnès chỉ thích lẩn trốn và tìm thấy trong sự nấu mình ấy một cảm giác an toàn như khi Joseph núp dưới bốn lớp váy của Anna, tuy nhiên với một niềm thích thú khác. Kể



phóng hỏa Koljaiczek đủ từng trải để hiểu như cầu được che chở của con gái mình. Cho nên khi làm một chuồng thỏ ngoài cái gọi là ban-công của căn hộ một gian rưỡi, ông đã ghép thêm vào đó một cái túp vừa kích cỡ Agnès. Thuở bé, mẹ tôi ‘định cư’ luôn tại đó cùng với những con búp-bê và lớn lên trong đó. Về sau, khi đã đi học, nghe nói mẹ tôi đã vứt bỏ chúng và tỏ ra sớm có ý thức về cái đẹp mong manh bằng thú chơi mới: những viên thủy tinh và lông chim nhuộm màu.

Bởi lẽ tôi đang nóng lòng muốn nói về cuộc tồn sinh của chính mình nên xin được phép cho con bé gia tộc Wranka yên ả lướt nhanh tới năm 1913, khi mà con tàu Columbus được hạ thủy tại xưởng đóng tàu Schichau; đó là thời điểm mà cảnh sát, vốn nhớ dai, chẳng quên bất cứ cái gì, tìm lại được dấu vết của tên Wranka giả mạo.

Sự cố bắt đầu vào tháng 8/1913, khi Koljaiczek, như thường lệ hàng năm vào dịp cuối hè, áp tải một bè gỗ lớn từ Kiev theo các sông Priper, Bug, Modlin xuôi về đến sông Vistula. Mười hai tay chèo bè xuất phát trên tàu kéo Radaune phục vụ xưởng cưa, từ Westlich Neufhar theo nhánh cụt của sông Vistula tới tận Einlage, sau đó ngược sông Vistula, qua Kasamark, Letzkau, Czettkau, Dirschau; tới đến, họ dừng lại nghỉ ở Thorn. Tại đây, tay chủ mới của xưởng cưa xuống tàu để giám sát việc mua gỗ ở Kiev. Bốn giờ sáng, khi tàu Radaune thả neo, mọi người mới biết ông ta đang ở trên tàu. Koljaiczek lần đầu tiên trong thấy ông ta vào lúc ăn sáng trong khoang bếp. Tất cả ngồi thành vòng tròn, người nhai kẻ nhấp từng ngụm nhỏ cà-phê. Koljaiczek nhận ngay ra ông ta. Con người to ngang, hói trán ấy sai đi lấy vốtka rót vào những tách cà-phê đã cạn. Trong khi một số người vẫn nhai và ở đâu đằng kia, người ta vẫn tiếp tục rót vốtka, ông ta tự giới thiệu: “Tôi xin thông báo để các anh em biết tôi là chủ mới của xưởng cưa; tên tôi là Duckerhoff; tôi không muốn có chuyện rắc rối lôi thôi.”

Theo yêu cầu của ông ta, các tay chèo bè, theo thứ tự ngồi quanh, lần lượt xưng tên và nốc cạn tách rượu của mình, khiến cục hầu lên lên xuống xuống. Koljaiczek uống cạn rồi nói: “Wranka” đồng thời nhìn thẳng vào mắt Duckerhoff. Ông ta gật đầu như với những người trước, nhắc lại cái tên Wranka như đã nhắc lại tên những tay bè khác. Nhưng Koljaiczek cảm thấy có một có một âm sắc đặc biệt trong cách Duckerhoff đọc tên gã chèo bè chết đuối, không phải là nhấn giọng nhưng có phần tự lự.

Máy không ngưng chạy xình xịch, con tàu Radaune khéo léo tránh những doi cát với sự giúp đỡ của những hoa tiêu liên tục thay thế nhau, không một mồi đèn lên lớp sóng ngẫu



đục phù sa. Bên trái, bên phải, đằng sau những con đê, vẫn là miền đất ấy: nơi bằng phẳng, nơi nhấp nhô thung đồi, nhìn chung mùa màng đã gặt xong. Những hàng rào, những đường mòn, một khoảng trống mọc đầu đậu chổi, lác đác đây đó vài nông trại biệt lập; một cảnh quan thích hợp cho những đợt xung phong của kỵ binh, cho một sư đoàn kỵ binh đánh thuê vòng bên trái vu hồi xọc vào, những khinh kỵ binh phốc ngựa qua hàng rào, phù hợp với ước mơ của những sĩ quan kỵ binh trẻ, với trận mạc trong quá khứ và tương lai, với bức tranh lịch sử anh hùng: những tên Tartar rạp mình trên bờm ngựa, những long kỵ trên chiến mã chồm lên, những hiệp sĩ Teuton gục ngã, vị tể sư trong chiếc áo lễ đẫm máu, không một vết xước trên tấm giáp che ngực, trừ một gã bị quân công Mazowsze hạ sát. Và những con ngựa đẹp hơn ngựa xiếc, cổ đeo dây nhạc, những đường gân được vẽ rất tỉ mỉ, những lỗ mũi nở rộng, màu đỏ son, phun ra từng cụm mây nhỏ xuyên thủng bởi những ngọn giáo phát phờ cờ hiệu, gươm đao rạch trời và hoàng hôn, và ở nền đằng sau - bức tranh nào mà chả có nền - bám chắc trên đường chân trời là một làng nhỏ với những ống khói bình yên tỏa khói giữa hai chân sau của con ngựa ô, với những ngôi nhà lợp xục mái rạ tường rêu; và trong những căn nhà tranh đó, những chiếc chiến xa nhỏ xinh mơ đến một ngày sẽ tới khi cả chúng cũng có thể xông ra góp mặt vào bức tranh, đằng sau những con đê của sông Vistula, như bây ngựa con tung tăng giữa đàn siêu kỵ.

Qua khỏi Wloclawek, Duckerhoff dí ngón tay trở vào áo va-roi của Koljaiczek: “Nói nghe nào, Wranka, có phải trước đây cậu đã từng làm việc ở xưởng cưa Schwetz? Vào cái năm xưởng bị cháy ấy?” Koljaiczek nặng nề lắc đầu như thể cổ ông bằng gỗ, đồng thời nhuộm dục vào cái nhìn của mình một vẻ rầu rĩ và mệt mỏi đến nỗi Duckerhoff không nỗ gắng hỏi thêm nữa.

Đến Modlin, nơi xông Bug đổ vào sông Vistula, tàu Radaune rẽ vào sông Bug và Koljaiczek cúi mình trên lan can tàu nhỏ xuống nước ba lần như cánh chở bè thời đó vẫn thường làm theo thông lệ. Duckerhoff đứng bên với một điều xì-gà và hỏi xin lửa. Chữ ‘lửa’ và chữ ‘diêm’ đi liền theo làm Koljaiczek sồn da gà. “Này! đằng ấy không việc gì phải đỏ mặt lên như thế khi tớ hỏi xin lửa. Đằng ấy là con gái hay sao vậy?”

Mãi đến khi đi khỏi Modlin một quãng khá xa, Koljaiczek mới hết đỏ mặt, hiển nhiên ông đỏ mặt không phải vì hổ thẹn mà đó là hồi quang muộn màng của những xưởng cưa mà ông đã phóng hoả.



Vậy là, ngược song Bug, giữa Modlin và Kiev, qua kênh đào nối sông Bug với sông Pripet cho đến sông Dniepr, chẳng có lời lẽ gì đặc biệt bỏ kể lại trong cuộc đối thoại Koljaiczek-Duckerhoff. Dĩ nhiên, theo lẽ thường, có thể đã xảy ra lục đục bất hoà giữa cánh chở bè với nhau, giữa cánh chở bè với đám thợ đốt lò trên tàu, giữa người cầm lái, đám thợ đốt lò và thuyền trưởng, giữa thuyền trưởng và các hoa tiêu thay đổi soành sạch. Tôi có thể dễ dàng mừng tượng những cuộc cãi lộn giữa những tay chở bè người Kashubes và gã lái tàu quê quán ở Stettin, thậm chí cả bước sơ khởi của một dấy loạn: hội họp ở khoang sau, bốc thăm, trao đổi mật hiệu, mài dao kiếm. Nhưng thôi, xin đủ những thứ đó. Không có gây rối chính trị, không có ẩu đả giữa người Đức và người Ba Lan cũng chẳng có nổi loạn xuất phát từ những bất bình xã hội. Tàu Radaune ngày này vẫn ngoan ngoãn ăn than. Có một lần - hình như vừa qua khỏi Plock - nó mắc phải một doi cát, nhưng rồi tự gỡ ra được. Một cuộc tranh cãi ngắn nhưng gay gắt giữa thuyền trưởng Barbush và tay hoa tiêu người Ukraina, có thể thôi - chẳng có gì khác được ghi trong nhật ký hàng hải.

Nhưng nếu như tôi có khả năng và điều kiện để xây dựng một cuốn nhật ký ghi lại những suy nghĩ và tình cảm thầm kín của Koljaiczek hoặc của Duckerhoff thì chắc hẳn sẽ có vô khối diễn biến ly kỳ: ngờ ngờ, cơ sở xác thực cho sự nghi ngờ, bán tín bán nghi và, gần như đồng thời, tạm dẹp mọi hoài nghi, lưỡng lự rồi lại tiếp tục ngờ vực. Cả hai cùng e ngại nhau. Duckerhoff thậm chí còn sợ hơn là Koljaiczek vì đây là nước Nga. Duckerhoff rất có thể té nhào từ mạn tàu xuống sông như Wranka trước đây; cũng có thể - những bãi khai thác gỗ ở Kiev rộng mênh mông, anh dễ dàng bị lạc đồng thời mất luôn vị thiên thần hộ mệnh của mình giữa những trần đồ bát quái này - cũng có thể bất thành linh một đồng gỗ thổi đổ ụp xuống đầu y. Hoặc giả y có thể được cứu mạng. Mà người cứu lại chính là Koljaiczek! Koljaiczek có thể vớt ông chủ mới của xưởng cưa bị thần hộ mệnh bỏ rơi từ dưới sông Pripet hay sông Bug, hoặc vào giây phút chít, có thể kéo giật Duckerhoff lại, vừa vạy tránh khỏi đồng gỗ thổi đổ ụp xuống. Thật đẹp đẽ nếu lúc này tôi có thể thuật lại cái cảnh Duckerhoff suýt chết đuối hoặc thiếu nước nát như người, thở không ra hơi, một thoáng bóng của tử thần còn vương trong ánh mắt, thì thào vào tai người đội tên Wranka: “Cảm ơn Koljaiczek, cảm ơn!”, rồi sau một quãng ngừng bắt buộc: “Thế là hai ta dứt nợ với nhau... Cho qua nhé!”

Và với một nụ cười bồi rồi đượm vẻ thân ái thô kệch, họ nhìn thẳng vào trông mắt nhau, mi chớp vội như để giấu một giọt lệ, trước khi sượng sùng xiết chặt bàn tay chai sạn của nhau.



Chúng ta đã từng thấy cảnh này diễn xuất tuyệt hảo, quay tuyệt hảo trong nhiều phim: cuộc hoà giải giữa hai người anh em thù địch, từ nay trở thành chiến hữu suốt đời, chia sẻ ngọt bùi cay đắng qua mọi gian lao nguy hiểm.

Nhưng Koljaiczek không kiếm được cơ hội nào để đìm chết Duckerhoff, cũng chẳng có dịp kéo giạt y khỏi lưỡi hái của thần chết thể hiện dưới dạng thác gỗ đổ ầm ầm. Duckerhoff, một mực lo toan cho lợi ích của xưởng, chỉ mãi mót mua gỗ ở Kiev, giám sát việc đóng số gỗ ấy thành chín bè và, theo cổ lộ, phát thưởng cho đám thợ bè bằng tiền Nga để chi dùng trên đường về rồi đáp xe lửa đi xuyên Warsaw, Modlin, Deutsch-Eylau, Marienburg và Dirschau trở về cơ sở của mình; đó là một xí nghiệp cưa ở cảng gỗ nằm giữa các bãi đóng tàu Klawitter và Schichau.

Trước khi theo đám thợ bè từ Kiev xuyên qua kênh đào xuôi các dòng sông và cuối cùng, tới sông Vistula sai nhiều tuần làm việc vất vả, tôi cần phải ngẫm lại xem Duckerhoff có chắc là đã nhận ra tên phóng hoả Koljaiczek trong cái lót của Wranka hay không. Tôi đồ rằng chừng nào còn ở trên tàu kéo cùng với anh chàng Wranka hiền lành, chăm chỉ, được mọi người yêu mến tuy hơi dần, tay chủ xưởng rất muốn tin rằng người bạn đồng hành ấy không phải là kẻ liều mạng Koljaiczek. Hy vọng ấy chỉ từ bỏ y khi đã đàng hoàng yên vị trên xe lửa. Và khi xe lửa về tới đích, tức là nhà ga trung tâm Danzig, Duckerhoff đã đi đến quyết định. Y thuê một cái xe chở riêng hành lý về nhà rồi tay không, thoãn thoắt đi tới đồn cảnh sát gần đây bên bờ sông Wiebenwall, phốc qua các bậc thềm của cửa chính và, sau một lúc bồn chồn tìm kiếm, vào trúng cái văn phòng cần vào để trình một báo cáo ngắn nêu toàn sự việc. Y không đích thị tố cáo Koljaiczek-Wranka, mà chỉ yêu cầu làm sáng tỏ vụ này và cảnh sát hứa sẽ truy cứu.

Trong nhiều tuần sau đó, trong khi đám gỗ cùng những lau sậy và thợ bè trên đó tiếp tục xuôi dòng, y còn đến nhiều văn phòng, viết kín nhiều trang giấy nữa. Trước hết, có hồ sơ quân địch của binh nhì Joseph Koljaiczek thuộc trung đoàn pháo binh dã chiến X. miền Tây Phổ. Gã lóng trợn này đã hai lần bị giam ba ngày ở bốt cảnh sát vì đã hô những khẩu hiệu vô chính phủ bằng tiếng Ba Lan trong con say. Những vết như đó không hề thấy trong lý lịch của hạ sĩ Wranka phục vụ trong trung đoàn khinh kỵ cận vệ 2 đóng tại Langfuhr. Anh chàng Wranka đã từng chói sáng vinh quang: là liên lạc viên tiểu đoàn trong những cuộc tập trận lớn, anh ta đã gây ấn tượng tốt với Thái tử; vốn luôn luôn có sẵn tiền trong



túi, ngài bèn thưởng cho Wranka một đồng thaler¹. Đồng thaler này không được ghi trong hồ sơ quân dịch của hạ sĩ Wranka, mà do chính bà ngoại Anna của tôi rên rỉ nêu ra khi bà bị hỏi cung cùng với ông anh Vincent.

Và đó không phải là lý lẽ duy nhất bà đưa ra để phản bác lời cáo giác vô căn cứ tội phóng hỏa. Bà còn trình ra nhiều giấy tờ xác minh rằng ngay từ năm 1904, Joseph Wranka đã xung vác đội cứu hoả tình nguyện ở Danzig-Niederstadt, rằng trong những ngày đông tháng giá, khi cánh thợ bè nghỉ dài; ông đã tham gia dập tắt nhiều đám cháy lớn nhỏ. Lại có cả một giấy chứng chỉ xác nhận rằng hồi xảy ra vụ cháy lớn ở ga xe lửa Troyl vào năm 1909, anh lính cứu hoả Wranka, chỉ nghe theo lòng can đảm của mình, không những đã dập tắt được lửa mà còn cứu thoát hai thợ cơ khí tập sự. Đại úy cứu hoả Hecht, được mời đến làm chứng, cũng phát biểu theo tình thần đó. Và ông ta rút ra kết luận sau đây, được ghi lại trong biên bản: “Làm sao anh ta, người đã anh dũng chiến thắng lửa, lại có thể là kẻ phóng hoả cho được? Chao, tôi vẫn còn thấy hình anh anh ta đứng trên chiếc thang cứu hoả khi nhà thờ Heubude đang cháy đùng đùng! Từ tro và lửa bước ra như Phượng Hoàng tái sinh, anh ta không những đã dập tắt lửa mà còn xoa dịu vết bỏng của thế gian, làm nguôi cơn khát của Thượng Đế! Tình thật, tôi xin nói với các vị: Kẻ nào bôi nhọ thanh danh của người mang chiếc mũ cứu hoả, cái kẻ được ưu tiên nhường đường ở các ngã tư, cái kẻ được các hãng bảo hiểm trân trọng. Cái kẻ luôn luôn có trong túi một dùm tro hoặc để làm bùa, hoặc vì lý do nghề nghiệp, cái kẻ định tố cái con Phượng Hoàng rực rỡ kia phạm tội đốt nhà, tôi xin nói thẳng, kẻ đó đáng bị buộc một hòn đá vào cổ quẳng xuống...”

Đại úy Hecht, như các bạn hẳn đã nhận thấy, là một cha xứ, một nhà hùng biện; mỗi chủ nhật, ông lên giảng đài nhà thờ giáo xứ St. Barbara ở Langgarten và trong suốt thời gian điều tra vụ Koljaiczek-Wranka, ông không ngừng oanh tạc các tín đồ của mình bằng những ngụ ngôn về người lính cứu hoả nhà trời và con quỷ đốt đèn của địa ngục.

Nhưng vì đám thanh tra của đội cảnh sát hình sự không đến St. Barbara nghe giảng đạo như một sự khi quân hơn là một minh oan cho Wranka, nên người ta coi những hoạt động của Wranka trong đội cứu hoả tình nguyện như một căn cứ phụ để buộc tội.

Người ta thu thập chứng cứ từ các xưởng cưa, từ nơi sinh của cả hai người: Wranka ra đời ở Tuchel còn Koljaiczek thì chôn nhau cắt rốn tại Thorn. Dem khớp những lời khai của

¹ Tiền Đức bằng bạc.



những thợ bè lớn tuổi và bà con xa của hai người, thì trật ra những mâu thuẫn nhỏ. Già néo đứt dây. Khi tiến trình điều tra đến đoạn này thì con bè lớn bắt đầu vào lãnh thổ Đức; từ Thorn trở đi, nó bị bí mật giám sát và các thủy thủ lên bờ đều bị theo dõi.

Mãi sau khi đi qua Dirschau, ông ngoại tôi mới nhận thấy mình “có đuôi”. Ông vẫn chờ đợi thế. Tuồng như một trạng thái mù mẫm sau xa mấp mé chứng suy nhược thần kinh đã ngăn ông “cắt đuôi” ở quãng gần Letzkau hoặc Kasemaek; ở cái vùng ông thuộc như lòng bàn tay này, với sự đồng loã của một vài tay thợ bè tận tình, ông thừa sức làm được điều đó. Từ Einlage trở đi, khi những bè gỗ va đập nhau từ từ trôi vào sông Vistula-Chết, một tàu đánh cá với đoàn thủy thủ đông quá mức cần thiết liền áp sát theo, cố gắng một cách lộ liễu để tỏ ra không lộ liễu. Ngay sau khi qua Plehnendorf, hai chiếc xuồng máy của cảnh sát căng vút lao ra từ đám sậy ven bờ và bắt đầu rẽ sóng tới lui trên làn nước càn gàn đến cảng cảng lợ của sông Vistula-Chết. Vòng vây cảnh sát vận đồng phục xanh lơ bắt đầu từ bên kia cây cầu dẫn tới Heubude và dăng khắp các bãi gỗ trôi sang Klawitter, các xưởng đóng tàu nhỏ, cảng gỗ trải dài đến tận sông Mottlau, các cầu bến của các xưởng cưa, kể cả cầu tàu của công ty ông nơi gia đình đang chờ ông; khắp nơi đều thấy những bộ đồng phục xanh lơ; khắp nơi trừ Schichau, nơi đang tung bùng cờ xí: hình như người ta chuẩn bị hạ thủy một con tàu. Những đám đông náo nức, cả những con hải âu cũng náo nức. Lễ chào mừng ai vậy? Chào mừng ông ngoại tôi?

Ông ngoại tôi trông thấy cảng gỗ đầy những bộ đồng phục xanh. Những chiếc xuồng máy xiết hẹp thêm những vòng lượn đồng tâm và bắt những con sóng qua mặt kè. Ông hiểu tại sao người ta lại tỏ chức những cảnh tốn kém này. Bảy giờ - và chỉ đến bảy giờ - nhịp tim xưa của kẻ phóng hoả trong ông mới bắt đầu đập trở lại. Ông khắc gã Wranka nhu mì ra, trút cái lốt cứu hoả tình nguyện, nôn phút đi cái tạt nói lấp và bỏ chạy, chạy miết trên các bè gỗ, trên những bè mặt rộng bập bênh, chân trần trốn chạy trên một thứ sàn gỗ ghè, từ thoi gỗ này sang thoi gỗ khác, nhằm hướng Schichau nơi pháp phối cờ xí, nơi đang tung bùng lễ hạ thủy với những diễn văn hoa mỹ, nơi không có ai hô bắt Wranka hay Koljaiczek. Chỉ còn mấy bước nữa, chỉ còn mấy thoi gỗ nữa thôi. Schichau kia rồi, ở đó người ta đang tuyên bố đại loại như: Ta đặt tên người là TĐV¹ Columbus, chạy tuyến châu Mỹ, hơn bốn mươi ngàn tấn, ba mươi ngàn mã lực, phòng ăn hạng nhất và hạng hai. Tàu của Đức Vua, nhà bếp bên mạn tàu, phòng tập thể dục lát đá hoa, thư viện tuyến châu Mỹ,

¹ Tàu của Đức Vua



Tàu của Đức Vua, thiết bị thăng bằng hiện đại, cầu đạo mát, *Heil dir im Siegerkranz*¹, cờ hiệu của cảng căn cứ. Hoàng tử Heinrich đứng cầm lái. Ông ngoại Koljaiczek tôi chạy chân trần hầu như không chạm các thoi gỗ, chạy về phía ban nhạc kèn đang tấu vang lừng, một đất nước có những hoàng tử như thế, từ bè này sang bè kia, dân chúng tung hô: *Heil dir im Siegerkranz* và tất cả các còi của các xưởng đóng tàu và các tàu đậu ở cảng, tàu kéo và du thuyền đều rúc, Columbus, châu Mỹ, Tự Do, và hai chiếc xuồng máy vẫn rượt theo ông, vui như điên, từ bè này sang bè kia những cỗ bè của Đức Vua, và chặn đường rút của ông, tiếc thay, không còn vui chơi được nữa rồi, ông đứng một mình trên bè gỗ, và ông đã nhìn thấy châu Mỹ, nhưng những chiếc xuồng máy lại chắn ngang. Không còn cách nào khác ngoài việc lao xuống nước và thế là người ta thấy ông ngoại tôi bơi về phía một bè gỗ đang trôi vào dòng sông Mottlau. Những chiếc xuồng máy buộc ông phải nhào xuống và lặn dưới nước và đoàn bè gỗ lướt trôi bên trên ông và cứ thế lướt đi không ngừng, bất tận, bè này sinh ra bè kia, bè của bè của người, tiếp nối vĩnh viễn đời đời chẳng cùng, bè.

Những chiếc xuồng máy tắt “ga”. Những con mắt ráo riết rà khắp mặt sông. Nhưng Koljaiczek đã biến mất tăm, rời xa ban nhạc kèn, rời xa còi xưởng còi tàu chuông tàu, rời xa tàu của Đức Vua, bài diễn văn khánh thành của hoàng tử Heinrich và những con hải âu ngơ ngác, lời tung hô *Heil dir im Siegerkranz* và xà phòng đen của Đức Vua dùng để chà cho trơn đường của tàu Đức Vua, rời xa châu Mỹ và tàu Columbus, rời xa đám cảnh sát truy đuổi và xin đủ đoàn bè gỗ trôi hoài trôi hủy vô cùng tận.

Chẳng ai tìm thấy xác ông ngoại tôi. Mặc dầu tin chắc rằng ông đã chết chìm dưới các bè gỗ, ý thức tôn trọng toàn bộ sự thật vẫn buộc tôi phải trình thuật một số diễn giải khác cho rằng ông đã thoát hiểm một cách kỳ diệu.

Chẳng hạn, một số người nói rằng trong khi kẹt dưới đoàn bè, ông đã tìm ra một khoảng trống giữa những thoi gỗ, vừa đủ rộng để ông có thể thò hai lỗ mũi lên khỏi mặt nước, song phần trên lại đủ hẹp để che mắt bọn cảnh sát vẫn tiếp tục lùng sục từng chiếc bè cùng những lều sậy trên đó cho đến tối mịt. Rồi nhờ bóng đêm che chở - họ kể tiếp - ông tự phó mặc cho dòng nước cuốn đi cho đến lúc, kiệt lực nhưng còn sót chút may mắn, ông dạt vào khi vực xưởng đóng tàu Schichau ở bờ bên kia sông Mottlau; ở đó, ông tìm được một chỗ trú trong kho chứa sắt vụn, về sau, có lẽ nhờ sự giúp đỡ của mấy thủy thủ Hy Lạp, ông

¹ Xin chào Người dưới vòng nguyệt quế chiến thắng.



lọt được lên một trong những con tàu chở dầu nhớt nhúa đã từng chứa chấp nhiều kẻ trốn chạy.

Theo một cách diễn giải khác: Koljaiczek là tay bơi cự phách lại có buồng phổi đặc biệt, nên chẳng những đã luôn vô tư dưới lớp bề mà còn lặn ngầm qua cả chiều ngang sông Mottlau tới bãi của xưởng đóng tàu Schichau, ở đó ông lẳng lẳng trà trộn vào đám đông phần khích dự hội, hòa chung tiếng hô vang *Heil dir im Siegerkranz*, cùng hoan hô bài diễn văn của hoàng tử Heinrich. Rồi, lễ hạ thủy kết thúc thắng lời, quần áo đã gần khô, Koljaiczek cùng với mọi người rời đám hội. Ngay tối hôm đó - đến đây, lại trùng hợp với di bản thứ nhất - ông bí mật chuồn lên được con tàu chở dầu Hy Lạp nổi tiếng về thành tích bất hảo đó.

Để cho trọn vẹn, xin kể thêm một câu chuyện hoang đường thứ ba nữa: ông ngoại tôi, như một khúc củi rêu, cứ thế trôi tuột ra biển, được mắt người dân chài vùng Bohrsack vớt lên rồi giao cho một tay đánh cá khơi người Thụy Điển ở ngoài vùng ba hải lý quy định. Sau đó, như thể do một phép màu, ông bình phục và tới được Malmo, vân vân và vân vân.

Tất cả những cái đó chỉ là tào lao, là chuyện gẫu của đám dân chài. Tôi cũng chẳng mấy may tin những lời khai của các nhân chứng gọi là mục thị - loại này có thể gặp ở các hải cảng trên thế giới, họ xưng xưng nói là đã thấy ông ngoại tôi ở Buffalo (Mỹ) ít lâu sau Thế chiến thứ nhất dưới cái tên Joe Coichic, nhà kinh doanh nhập khẩu gỗ từ Canada, có cổ phần trong nhiều nhà máy điện, người sáng lập ra nhiều công ty bảo hiểm hỏa hoạn. Một triệu phú sống cô độc trong một nhà chọc trời, ngự sau một cái bàn giấy kếp xù, mười ngón tay đầy nhẫn kim cương rực màu lửa, huấn luyện cho gã vệ sĩ vận đồng phục lính cứu hỏa đi đều bước một-hai một-hai, hát bằng tiếng Ba Lan và được mệnh danh là Cận vệ của Phượng Hoàng - họ mô tả ông ngoại tôi như vậy.

